

Bản án số: 258/2025/HC-PT
Ngày: 13 – 3 – 2025
V/v khiếu kiện quyết định hành chính
trong lĩnh vực quản lý đất đai

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh

Các Thẩm phán: Ông Cao Văn Tám

Ông Vũ Đức Toàn

- Thư ký phiên tòa: Bà Thái Thị Linh Huệ - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Phạm Công Minh – Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 971/2024/TLPT-HC ngày 05 tháng 11 năm 2024 về “*khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số: 12/2024/HC-ST ngày 07 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1009/2025/QĐPT ngày 27 tháng 02 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện:

1.1. Ông Nguyễn Hữu T, sinh năm 1982;

1.2. Bà Lê Thị Kim T1, sinh năm 1981;

Bà T1 ủy quyền cho Ông T (theo Văn bản ủy quyền ngày 01/4/2024); Có mặt

Cùng địa chỉ: Số C, đường C, ấp Đ, xã H, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông T và bà T1: Ông Nguyễn Hồng T2 – Trưởng Văn phòng L – Thuộc Đoàn luật sư tỉnh Đ; Địa chỉ: Số C, tổ C, khóm D, Phường F, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp (có mặt).

2. Người bị kiện:

2.1. Ủy ban nhân dân thành phố C, tỉnh Đồng Tháp;

2.2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố C, tỉnh Đồng Tháp;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Võ Phan Thành M, chức vụ: Chủ tịch. Xin xét xử vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Ủy ban nhân dân thành phố C và Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố C: Ông Huỳnh Thanh T3 – Phó trưởng phòng Nông nghiệp và Môi trường thành phố C. Xin xét xử vắng mặt.

2.3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đ; Vắng mặt.

Đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Thiện N, chức vụ: Chủ tịch.

Địa chỉ: Số A, đường C, Phường A, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

Người kháng cáo: Do có kháng cáo của người khởi kiện ông Nguyễn Hữu T, bà Lê Thị Kim T1.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 11/01/2024, ngày 24/01/2024, ngày 28/6/2024 của ông Nguyễn Hữu T, Lê Thị Kim T1 và ông T đại diện theo ủy quyền của bà Lê Thị Kim T1 trình bày:

Ông T và bà T1 có thửa đất 5290, tờ bản đồ số 19, diện tích là 1.364,9m², loại đất trồng trồng cây lâu năm. Đất do Ủy ban nhân dân thành phố C cấp cho ông Nguyễn Hữu T và bà Lê Thị Kim T1 vào ngày 27/7/2016, đất tọa lạc tại ấp Đ, xã H, thành phố C.

Do có quy hoạch thu hồi đất, thực hiện dự án đường N (đoạn khu dân cư P H - Sông H Cự) xã H để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng. Ông T và bà T1 bị thu hồi diện tích 619,1m², theo quyết định thu hồi đất số 1061/QĐ-UBND ngày 14/9/2022 của Ủy ban nhân dân thành phố C và Quyết định bồi thường, hỗ trợ số 1113/QĐ-UBND ngày 19/9/2022 của Ủy ban nhân dân thành phố C, ông T và bà T1 không đồng ý vì giá đất bồi thường quá thấp so với giá trị thực tế và ảnh hưởng lớn đến thu nhập mưu sinh trên thửa đất này.

Ông T và bà T1 không đồng ý nên khiếu nại đến Ủy ban nhân dân thành phố C và Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố C đã ra Quyết định giải quyết

khiếu nại số 64/QĐ-UBND.HC ngày 12/4/2023, với nội dung bác đơn của ông T và bà T1.

Sau đó, ông T và bà T1 tiếp tục khiếu nại đến Ủy ban nhân dân tỉnh Đ và Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đ đã ra Quyết định số 279/QĐ-UBND-NĐ ngày 15/12/2023 giải quyết khiếu nại lần 2, với nội dung bác đơn khiếu nại của ông T và bà T1.

Ông T và bà T1 đang khởi kiện tại Tòa án nhưng Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố C lại ban hành Quyết định số 17/QĐ-UBND.HC ngày 30/5/2024 và thực hiện cưỡng chế thu hồi đất làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông T và bà T1.

Nay ông T và bà T1 yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp giải quyết:

Hủy Quyết định số 1113/QĐ-UBND ngày 19/9/2022 của Ủy ban nhân dân thành phố C về việc bồi thường, hỗ trợ;

Hủy Quyết định số 64/QĐ-UBND.HC ngày 12/4/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố C về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Hữu T;

Hủy Quyết định số 279/QĐ-UBND-NĐ ngày 15/12/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đ về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Hữu T (lần hai).

Hủy Quyết định số 17/QĐ-UBND.HC ngày 30/5/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố C về việc cưỡng chế thu hồi đất.

Tại phiên tòa ông Nguyễn Hữu T trình bày: Ông T yêu cầu hủy Quyết định số 1113/QĐ-UBND ngày 19/9/2022, Quyết định số 64/QĐ-UBND.HC ngày 12/4/2023, Quyết định số 279/QĐ-UBND-NĐ ngày 15/12/2023, Quyết định số 17/QĐ-UBND.HC ngày 30/5/2024. Do việc bồi thường không đúng quy định, không đúng vị trí đất, yêu cầu nâng giá bồi thường lên 888.000 đồng/m², yêu cầu bố trí 01 nền tái định cư không thu tiền sử dụng đất.

- Theo văn bản ý kiến số 737/UBND-TNMT ngày 25/3/2024 của Ủy ban nhân dân thành phố C trình bày:

Đối với Quyết định số 1113/QĐ-UBND ngày 19/9/2022: Ngày 19/9/2022, Ủy ban nhân dân thành phố C ban hành Quyết định số 1113/QĐ-UBND về việc bồi thường, hỗ trợ cho ông Nguyễn Hữu T do giải tỏa thực hiện dự án đường N (đoạn Khu dân cư P H - sông H), xã H, thành phố C là để đền bù những thiệt hại về đất và tài sản trên đất bị ảnh hưởng do thu hồi đất để thực hiện dự án.

Căn cứ để ban hành Quyết định là: Căn cứ Luật đất đai năm 2013; Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về

bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; Quyết định số 27/2014/QĐ-UBND ngày 27 tháng 11 năm 2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đ quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp; Quyết định số 1619/QĐ-UBND ngày 14 tháng 9 năm 2022 của Ủy ban nhân dân thành phố C về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư dự án đường N (đoạn Khu dân cư P H - sông H), xã H, thành phố C; Quyết định số 1061/QĐ-UBND ngày 14 tháng 9 năm 2022 của Ủy ban nhân dân thành phố C về việc thu hồi đất thực hiện dự án đường N (đoạn Khu dân cư P H - sông H), xã H, thành phố C phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng.

Việc ban hành Quyết định số 1113/QĐ-UBND ngày 19/9/2022 của Ủy ban nhân dân thành phố C về việc bồi thường, hỗ trợ được thực hiện đúng trình tự thủ tục theo quy định.

Đối với Quyết định số 64/QĐ-UBND.HC ngày 12/4/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố C về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Hữu T: Căn cứ để ban hành Quyết định giải quyết là: Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019; Luật khiếu nại năm 2011; Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật khiếu nại;

Việc ban hành Quyết định số 64/QĐ-UBND.HC ngày 12/4/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố C về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Hữu T được thực hiện đúng trình tự thủ tục theo quy định Luật khiếu nại.

- Theo văn bản ý kiến số 1967/UBND-TNMT ngày 12/7/2024, số 2480/UBND-TNMT ngày 22/8/2024 của Ủy ban nhân dân thành phố C trình bày:

Căn cứ Quyết định số 1061/QĐ-UBND ngày 14 tháng 9 năm 2022 của Ủy ban nhân dân thành phố C về việc thu hồi đất để thực hiện dự án đường N (đoạn Khu dân cư P H - sông H), xã H, thành phố C để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng.

Ngày 30/5/2024, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố C ban hành Quyết định số 17/QĐ-UBND về việc cưỡng chế thu hồi đất.

Căn cứ để ban hành Quyết định cưỡng chế thu hồi đất là: Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019; Luật đất đai năm 2013; Nghị định số

43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai; Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai; Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02 tháng 6 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ T4 và Môi trường quy định hồ sơ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất; Quyết định số 1061/QĐ-UBND ngày 14 tháng 9 năm 2022 của Ủy ban nhân dân thành phố C về việc thu hồi đất để thực hiện dự án đường N (đoạn Khu dân cư P H - sông H), xã H, thành phố C.

Việc ban hành Quyết định số 17/QĐ-UBND ngày 30/5/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố C về việc cưỡng chế thu hồi đất được thực hiện đúng trình tự thủ tục theo quy định tại Điều 71 của Luật đất đai năm 2013.

Từ những cơ sở trên, Ủy ban nhân dân thành phố C đề nghị Tòa án tỉnh Đồng Tháp giữ nguyên các Quyết định số 1113, 64, 17 của Ủy ban nhân dân thành phố C và Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố C.

- Theo văn bản ý kiến số 197/UBND-NCPC ngày 06/3/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đ trình bày:

Ngày 14/9/2022, Ủy ban nhân dân thành phố C ban hành Quyết định số 1061/QĐ-UBND thu hồi 619,1m² đất trồng cây lâu năm của ông Nguyễn Hữu T để thực hiện dự án đường N (đoạn Khu dân cư P H - sông H), xã H, thành phố C. Đồng thời, xác lập thủ tục bồi thường, hỗ trợ cho ông Nguyễn Hữu T và bà Lê Thị Kim T1 với tổng số tiền 322.448.200 đồng, theo Quyết định số 1113/QĐ-UBND ngày 19/9/2022 của Ủy ban nhân dân thành phố C.

Qua phương án bồi thường, hỗ trợ, ông Nguyễn Hữu T chưa đồng ý và có đơn khiếu nại yêu cầu: Nâng giá bồi thường đất trồng cây lâu năm từ 352.000 đồng/m² lên 888.000 đồng/m²; bố trí 01 nền tái định cư; đổi từ hỗ trợ tiền di dời 04 cái mộ đất sang 04 cái mộ đá quét vôi.

Ngày 12/4/2023, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố C ban hành Quyết định số 64/QĐ-U, giải quyết: Chấp thuận điều chỉnh tiền hỗ trợ 04 cái mộ đất thành 04 cái mộ đá quét vôi. Bác các nội dung khiếu nại yêu cầu nâng giá bồi thường đất và bố trí nền tái định cư của ông Nguyễn Hữu T.

Ông Nguyễn Hữu T không thống nhất với quyết định giải quyết của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố C và tiếp tục gửi đơn khiếu nại.

Qua kết quả kiểm tra, xác minh của ngành chức năng, các nội dung khiếu nại của ông Nguyễn Hữu T là không có cơ sở để xem xét, giải quyết, do Ủy ban nhân dân thành phố C thực hiện bồi thường, hỗ trợ đúng theo phương án đã được cấp thẩm quyền phê duyệt và đúng với Quyết định số 162/QĐ-UBND-NĐ

ngày 18/6/2022 của Ủy ban nhân dân Tỉnh về việc phê duyệt đơn giá đất cụ thể làm cơ sở lập phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư dự án đường N (đoạn Khu dân cư P H - sông H), xã H, thành phố C.

Ngày 15/12/2023, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Tỉnh ban hành Quyết định số 279/QĐ-UBND-NĐ, giải quyết: Công nhận và giữ nguyên Quyết định số 64/QĐ-UBND-HC ngày 12/4/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố C về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Hữu T.

Ông Nguyễn Hữu T tiếp tục khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp hủy Quyết định số 279/QĐ-UBND-NĐ ngày 15/12/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Tỉnh là không có cơ sở. Căn cứ Luật đất đai năm 2013; Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; Quyết định số 27/2014/QĐ-UBND ngày 27/11/2014 của Ủy ban nhân dân Tỉnh ban hành Quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp; Quyết định số 36/2019/QĐ-UBND ngày 19/12/2019 của Ủy ban nhân dân Tỉnh ban hành Quy định Bảng giá các loại đất trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp giai đoạn 05 năm (2020 - 2024); Quyết định số 13/2021/QĐ-UBND ngày 23/7/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đ về việc sửa đổi bổ sung một số Điều của quy định ban hành kèm theo Bảng giá đất Quyết định số 36/2019/QĐ-UBND ngày 19/12/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đ ban hành Quy định Bảng giá các loại đất trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp giai đoạn 05 năm (2020 - 2024); Quyết định số 162/QĐ-UBND-NĐ ngày 18/6/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đ về việc phê duyệt đơn giá đất cụ thể làm cơ sở lập phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư dự án đường N (đoạn Khu dân cư P H - sông H), xã H, thành phố C.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đ đề nghị Tòa án tỉnh Đồng Tháp bác yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Hữu T, giữ nguyên Quyết định số 279/QĐ-UBND-NĐ ngày 15/12/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Tỉnh về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Hữu T (lần hai).

- Tại Bản án hành chính sơ thẩm số: 12/2024/HC-ST ngày 07 tháng 9 năm 2024, Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp, quyết định:

Căn cứ: Điều 30, Điều 32, điểm a khoản 2 Điều 116, Điều 157, khoản 1 Điều 158, Điều 193, khoản 1 Điều 348 Luật tổ tụng hành chính 2015;

Điều 62, 66, 67, 68, 69, 71, khoản 2 Điều 74, Điều 83 Luật đất đai năm 2013; Luật đất đai năm 2024;

Điều 27, 28, 29, 30, 31, 32, 36, 37, 38, 39, 40, 41 Luật khiếu nại năm 2011;

Chương 3 về Quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất của Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai; Điều 28 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 Quy định về bồi thường, hỗ trợ; tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Điều 5, 6, 7, 8, 11, 18, 21, 22 của Thông tư số 07/2013/TT-TTCP ngày 31/10/2013 của Thanh tra Chính phủ về Quy định quy trình giải quyết khiếu nại hành chính.

Điều 9, 11 Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 của Bộ trưởng Bộ T4 Quy định về hồ sơ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng, thu hồi đất;

Khoản 1 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Bác yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Hữu T, bà Lê Thị Kim T1 đối với yêu cầu hủy Quyết định số 1113/QĐ-UBND ngày 19/9/2022 của UBND thành phố C về việc bồi thường, hỗ trợ; Quyết định số 64/QĐ-UBND.HC ngày 12/4/2023 của Chủ tịch UBND thành phố C về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Hữu T; Quyết định số 279/QĐ-UBND-NĐ ngày 15/12/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Đ về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Hữu T (lần hai); Quyết định số 17/QĐ-UBND.HC ngày 30/5/2024 của Chủ tịch UBND thành phố C về việc cưỡng chế thu hồi đất.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo vụ án theo luật định.

** Sau khi xét xử sơ thẩm:* Ngày 13 tháng 9 năm 2024, người khởi kiện ông Nguyễn Hữu T, bà Lê Thị Kim T1 nộp đơn kháng cáo toàn bộ Bản án sơ thẩm.

** Tại phiên tòa phúc thẩm:*

- Ông T, bà T1 giữ nguyên yêu cầu kháng cáo đề nghị cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện.

- Người bảo vệ quyền lợi cho người khởi kiện trình bày: UBND thành phố C thu hồi đất và bồi thường phải theo giá thị trường 888.000 đồng/m², ban hành quyết định cưỡng chế không đúng vì ông T đã khởi kiện ra Tòa án đang giải quyết. Đề nghị cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm, chấp nhận kháng cáo, hủy các quyết định theo yêu cầu khởi kiện của ông T.

- Người bị kiện và bảo vệ quyền lợi cho người bị kiện có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm: Đề nghị UBND thành phố C ban hành quyết định thu hồi đất, giá đất bồi thường cho ông T, bà T1 là đúng quy định, đất bị thu hồi là đất nông nghiệp, không phải đất ở nên không thuộc diện được xem xét mua đất tái định cư. Chủ tịch UBND thành phố C, chủ tịch UBND tỉnh Đ ban hành quyết định giải quyết khiếu nại lần 1, lần 2 là đúng các quy định của pháp luật. Cấp sơ thẩm không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông T1, bà T là đúng. Đề nghị Tòa phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên quyết định Bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Ông Nguyễn Hữu T và bà Lê Thị Kim T1 nộp đơn kháng cáo trong thời hạn luật định nên được xem xét theo thủ tục tố tụng phúc thẩm theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa phúc thẩm vắng mặt người bị kiện và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, nhưng đã được triệu tập lần thứ hai. Do đó, Tòa án xét xử phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung kháng cáo của ông T, bà T1 yêu cầu cấp phúc thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện, hủy các quyết định: Quyết định số 1113/QĐ-UBND ngày 19/9/2022 của UBND thành phố C về việc bồi thường, hỗ trợ; Quyết định số 64/QĐ-UBND.HC ngày 12/4/2023 của Chủ tịch UBND thành phố C về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Hữu T; Quyết định số 279/QĐ-UBND-NĐ ngày 15/12/2023 của Chủ tịch UBND Tỉnh về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Hữu T (lần hai); Quyết định số 17/QĐ-UBND.HC ngày 30/5/2024 của Chủ tịch UBND thành phố C về việc cưỡng chế thu hồi đất (gọi tắt là Quyết định số 1113, Quyết định số 64, Quyết định số 279, Quyết định số 17)

[2.1] Xét thấy, việc Ủy ban nhân dân thành phố C ban hành Quyết định số 1113; Quyết định số 17 của Chủ tịch UBND thành phố C:

Trên cơ sở Văn bản số 249/UBND-KT ngày 29/9/2021 của UBND tỉnh Đ ủy quyền cho UBND thành phố C thông báo và thu hồi đất. Quyết định số 32/QĐ-UBND.NĐ ngày 15/02/2022 của UBND tỉnh Đ về việc phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2022 của thành phố C.

Ngày 30/11/2021 UBND thành phố C ban hành Quyết định số 2524/QĐ-UBND về Phê duyệt dự án đường N (đoạn Khu dân cư P H - sông H), xã H, thành phố C, Quyết định số 654/QĐ-UBND ngày 25/02/2022 về Phê duyệt (điều chỉnh) dự án đường N (đoạn Khu dân cư P H - sông H), xã H, thành phố C.

Ngày 14/9/2022, Ủy ban nhân dân thành phố C ban hành Quyết định số 1061/QĐ-UBND thu hồi 619,1m² đất trồng cây lâu năm của ông Nguyễn Hữu T để thực hiện dự án đường N (đoạn Khu dân cư P H - sông H), xã H, thành phố C. (Diện tích đất của ông Nguyễn Hữu T và bà Lê Thị Kim T1 được cấp giấy chứng nhận khi chưa thu hồi là 1.364,9m²)

Đồng thời, xác lập thủ tục bồi thường, hỗ trợ cho ông Nguyễn Hữu T và bà Lê Thị Kim T1 với tổng số tiền 322.448.200 đồng, theo Quyết định số 1113/QĐ-UBND ngày 19/9/2022 của Ủy ban nhân dân thành phố C.

UBND thành phố C đã thực hiện đầy đủ về trình tự, thủ tục thu hồi đất, điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm, niêm yết công khai. Ông T và bà T1 đồng ý và chỉ khiếu kiện về giá đất bồi thường đất trồng cây lâu năm từ 352.000 đồng/m² (Giá nhà nước bồi thường) lên 888.000 đồng/m² theo giá thị trường; yêu cầu bố trí 01 nền tái định cư; đổi từ hỗ trợ tiền di dời 04 cái mộ đất sang 04 cái mộ đá quét vôi.

Ngày 12/4/2023, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố C ban hành Quyết định số 64/QĐ-UBND-HC giải quyết: Chấp thuận điều chỉnh tiền hỗ trợ 04 cái mộ đất thành 04 cái mộ đá quét vôi. Bác các nội dung khiếu nại yêu cầu nâng giá bồi thường đất và bố trí nền tái định cư của ông Nguyễn Hữu T.

Căn cứ để Ủy ban nhân dân thành phố C ban hành giá đất bồi thường: Luật đất đai năm 2013; Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; Quyết định số 27/2014/QĐ-UBND ngày 27/11/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đ ban hành Quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp; Quyết định số 36/2019/QĐ-UBND ngày 19/12/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đ ban hành Quy định Bảng giá các loại đất trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp giai đoạn 05 năm (2020 - 2024); Quyết định số 13/2021/QĐ-UBND ngày 23/7/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đ về việc sửa đổi bổ sung một số Điều của quy định ban hành kèm theo Bảng giá đất Quyết định số 36/2019/QĐ-UBND ngày 19/12/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đ ban hành Quy định Bảng giá các loại đất trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp giai đoạn 05 năm (2020 - 2024); Quyết định số 162/QĐ-UBND-NĐ ngày 18/6/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đ về việc phê duyệt đơn giá đất cụ thể làm cơ sở lập phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư dự án đường N (đoạn Khu dân cư P H - sông H), xã H, thành phố C. Tờ trình số 366/TTr-STNMT ngày 07/6/2022, Giám đốc Sở T5 đề xuất UBND Tỉnh phê duyệt giá đất, ngày 18/6/2022 UBND Tỉnh ban hành Quyết định số 162/QĐ-UBND-NĐ Phê duyệt đơn giá đất cụ thể làm cơ sở lập phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư dự án đường N (đoạn Khu dân cư

P H - sông H), xã H, thành phố C, Quyết định này được niêm yết công khai ngày 26/7/2022 tại UBND xã H và Ban N1, ấp H, ấp Đ xã H.

Diện tích đất của ông T, bà T1 bị thu hồi là đất trồng cây lâu năm có thời hạn, mục đích thu hồi đất là để thực hiện dự án đường N (đoạn Khu dân cư P H - sông H), xã H, thành phố C, là phục vụ để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng, nên giá bồi thường hỗ trợ phải theo quy định của giá nhà nước, không thể áp dụng mức giá thị trường như yêu cầu của ông T, bà T1. Quyết định số 1113 của UBND thành phố C ban hành là đúng quy định và không thuộc trường hợp được xem xét mua nền tái định cư.

Ông T, bà T1 cho rằng đang khởi kiện ra Tòa án các quyết định này mà Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố C vẫn ban hành quyết định cưỡng chế số 17 ngày 30/5/2024 là không đúng, nhưng người khởi kiện và người bảo vệ quyền lợi không viện dẫn được văn bản pháp luật nào quy định để chứng minh cho yêu cầu này.

Tài liệu chứng cứ trong hồ sơ thể hiện: Ngày 30/5/2024, Chủ tịch UBND thành phố C ban hành Quyết định số 18/QĐ-UBND về việc thành lập Ban thực hiện cưỡng chế thu hồi đất. Ngày 31/5/2024, UBND xã H trao Quyết định cưỡng chế thu hồi đất, ông T ký tên nhưng không nhận Quyết định, nên UBND xã H tiến hành niêm yết Quyết định, đồng thời UBND xã H tiếp tục tổ chức vận động ông T, bà T1 di dời tài sản vật kiến trúc thống nhất chủ trương thu hồi đất và bàn giao mặt bằng cho đơn vị thi công nhưng ông T bà T1 không bàn giao mặt bằng để cơ quan có thẩm quyền thi công công trình. Ngày 03/6/2024, UBND xã H tiếp tục gửi thư mời để vận động nhưng đến ngày 04/6/2024 ông T, bà T1 vắng mặt. Cho nên Chủ tịch UBND thành phố C ban hành Quyết định cưỡng chế và tổ chức việc cưỡng chế và bàn giao đất để thi công là đúng các quy định của pháp luật.

[2.2] Xét quyết định giải quyết khiếu nại lần 1 (quyết định số 64) của chủ tịch UBND thành phố C; Quyết định giải quyết khiếu nại lần 2 của Chủ tịch UBND tỉnh Đ (Quyết định số 279):

Ngày 09/01/2023, ông T khiếu nại quyết định bồi thường đến UBND thành phố C. Ngày 16/01/2023, Chủ tịch UBND thành phố C ban hành Thông báo số 09/TB-UBND thụ lý giải quyết khiếu nại lần đầu và ra Quyết định số 09/QĐ-UBND ngày 16/01/2023 về việc giao nhiệm vụ xác minh nội dung khiếu nại. Ngày 30/01/2023, Chánh Thanh tra thành phố C ban hành Quyết định số 44/QĐ-TTr về việc xác minh nội dung khiếu nại. Ngày 03/02/2023, Thanh tra thành phố C lập biên bản làm việc. Ngày 23/02/2023, Thanh tra thành phố C lập Báo cáo số 104/BC-TTr báo cáo kết quả xác minh nội dung khiếu nại. Ngày 23/3/2023,

Chủ tịch UBND thành phố C tổ chức đối thoại. Ngày 12/4/2023, Chủ tịch UBND thành phố C ban hành Quyết định số 64 giải quyết khiếu nại lần đầu (ông Thừa nhận Quyết định ngày 13/4/2023).

Ông T không đồng ý với Quyết định 64 nên ngày 24/4/2023 ông T gửi đơn khiếu nại đến UBND tỉnh Đ. Ngày 27/4/2023, Văn phòng UBND tỉnh Đ có Văn bản số 576/VPUBND-TCD-NC giao Sở T5 kiểm tra, xác minh khiếu nại của ông T. Giám đốc Sở T5 ban hành Quyết định số 708/QĐ-STNMT ngày 18/5/2023 về việc thành lập tổ xác minh khiếu nại về đất đai. Tổ xác minh lập biên bản làm việc ngày 07/6/2023. Ngày 08/6/2023, Giám đốc Sở T5 có Báo cáo số 191/BC-STNMT về kết quả xác minh nội dung khiếu nại trình Chủ tịch UBND Tỉnh. Ngày 29/8/2023, Chủ tịch UBND Tỉnh tổ chức đối thoại. Ngày 15/12/2023, Chủ tịch U ban hành Quyết định số 279 giải quyết khiếu nại lần hai đối với ông T (ông Thừa nhận Quyết định ngày 26/12/2023).

Như vậy, về trình tự, thủ tục và nội dung của các Quyết định số 64, 279 của Chủ tịch UBND thành phố C, Chủ tịch UBND tỉnh Đ đã thực hiện đúng theo quy định của Luật khiếu nại năm 2011 và các văn bản pháp luật quy định về đất đai.

Ông T, bà T1 khởi kiện đến Tòa án yêu cầu hủy 04 quyết định nêu trên. Cấp sơ thẩm không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện là có căn cứ. Tại cấp phúc thẩm người khởi kiện không có chứng cứ nào mới làm thay đổi nội dung nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên quyết định của án sơ thẩm như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh là phù hợp.

[3] Ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện không phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên không được chấp nhận.

[4] Về án phí hành chính phúc thẩm: Do yêu cầu kháng cáo của ông T, bà T1 không được chấp nhận nên phải chịu án phí hành chính phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Hữu T và bà Lê Thị Kim T1.

2. Giữ nguyên quyết định của Bản án sơ thẩm số 12/2024/HC-ST ngày 07/9/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

3. Án phí phúc thẩm: Ông T, bà T1 phải chịu 300.000 đồng án phí hành chính phúc thẩm, được trừ vào tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo biên lai thu tiền số 0003213 và 0003214 ngày 18/9/2024 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp.

4. Án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án là ngày 13/3/2025.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSNDCC tại TP. Hồ Chí Minh;
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND tỉnh Đồng Tháp;
- Cục THADS tỉnh Đồng Tháp ;
- Dương sự;
- Lưu: HC, VP, 21bTTLH.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Thanh